

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2023/DSST
Ngày 26-7-2023
“*v/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor P

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phùng Thị Tố Tr và ông Nguyễn Đình Nh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Hải B - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay S - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Hương H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ *Bị đơn:* Anh Võ Trọng T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H trình bày: Trong các ngày 17/8/2020, ngày 14/9/2020 và ngày 15/9/2020, anh Võ Trọng T vay tiền của chị lần lượt là 50.000.000 đồng, 80.000.000 đồng và 20.000.000 đồng, tổng cộng ba lần vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm

mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời gian vay là 10 ngày. Tuy nhiên sau đó anh Võ Trọng T không thực hiện việc trả lãi suất và nợ gốc như thỏa thuận. Mặc dù chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh Võ Trọng T không trả cho chị số tiền nợ và lãi suất phát sinh.

Tại phiên tòa chị thay đổi, đề nghị Tòa án buộc anh Võ Trọng T phải trả cho chị số tiền nợ gốc đã vay 130.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ số tiền nợ gốc từ thời điểm vay theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án, còn số tiền 20.000.000 đồng mà anh T vay ngày 15/9/2020 chị không yêu cầu phải trả như trong đơn khởi kiện nữa.

2. Đối với bị đơn anh Võ Trọng T: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, không vì nguyên nhân bất khả kháng và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa án nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với nơi ở hiện nay của anh Võ Trọng T kết quả: Anh Võ Trọng T có đăng ký tạm trú tại tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Phát biểu ý kiến sau phân tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa chị H và bà anh T có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản vào các ngày 17/8/2020 và ngày 14/9/2020, nội dung cụ thể:

- Ngày 17/8/2020 anh Võ Trọng T vay của chị Tạ Thị Hương H số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 14/9/2020 anh Võ Trọng T có vay của chị Tạ Thị Hương H với số tiền là 80.000.000 đồng, hạn 10 ngày trả, 02 giấy vay tiền đều có chữ ký, ghi họ và tên của anh T.

Như vậy, việc anh T xác lập giao dịch dân sự với chị H là có thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn trả nợ, có thỏa thuận về lãi suất bằng miệng là 2%/tháng. Do vậy chị H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Vì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi hết thời hạn trả nợ, mặc dù nhiều lần chị H yêu cầu anh T tính trả nợ nhưng anh T không chịu trả.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ số tiền nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H buộc bị đơn anh Võ Trọng T trả số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây cho chị Huyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Võ Trọng T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Võ Trọng T không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Võ Trọng T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, anh Võ Trọng T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Võ Trọng T phải trả cho chị số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh, tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H tự nguyện thay đổi không yêu cầu anh T phải trả đối với số tiền đã vay 20.000.000 đồng vào 15/9/2020, đây là ý chí thể hiện sự tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện, không vi phạm điều cấm và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét đến nữa.

Nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Võ Trọng T phải trả số tiền đã vay là 130.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ số tiền nợ gốc từ thời điểm vay theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án.

[1] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc 01 (một) giấy có nội dung vay tiền được viết bằng mực xanh trên giấy ô ly “A Thành Đạt”, nội dung trên 01 (một) mặt giấy có nội dung “*Hôm nay ngày 17-08-2020 tôi tên Võ Trọng Tính có vay của chị Tạ Thị Hương Huyền với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) Người vay Võ Trọng Tính*” và 01 (một) giấy có nội dung vay tiền được viết bằng mực xanh trên giấy ô ly, nội dung trên 01 (một) mặt giấy có nội dung bắt đầu và kết thúc: “*A Tính... Hôm nay ngày 14-09-2020 tôi tên: Võ trọng tính có vay của chị TẠ THỊ HUƠNG HUYỀN với số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng chẵn) hẹn: 10 ngày trả Người vay Võ trọng tính... ngày 15/9/2020 Anh Tính mượn thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng chẵn). 80.000.000 + 20.000.000 = 100.000.000*”. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bản sao các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp, đồng thời tổng đạt văn bản giải thích quyền lợi, nghĩa vụ cho bị đơn anh Võ Trọng T, tuy nhiên bị đơn anh Võ Trọng T không có ý kiến, không phản đối, vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng: Nội dung các giấy vay tiền không thể hiện việc các bên thỏa thuận lãi suất, nhưng nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H trình bày các bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng bằng miệng; tại Biên bản xác minh ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa với chị Lưu Thị Khánh H là vợ bị đơn anh Võ Trọng T, chị H xác nhận có biết việc chị H và anh T có thỏa thuận lãi suất là 8.000 đồng/100.000 đồng/ngày, do đó khẳng định giữa các bên có thỏa thuận với nhau về việc tính lãi suất phát sinh trên số tiền vay.

Chị Tạ Thị Hương H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 20%/năm là không vi phạm quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Việc anh T không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho chị H là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy cần buộc bị đơn anh Võ Trọng T phải trả cho chị Tạ Thị Hương H số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất trên tiền vay từ thời điểm vay là có căn cứ pháp luật.

- Tiền lãi phát sinh trên số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 17/8/2020 đến ngày 26/7/2023 (35 tháng 09 ngày) là 50.000.000 đồng x 35 tháng 09 ngày x 20%/năm = 29.416.666 đồng

- Tiền lãi phát sinh trên số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 14/9/2020 đến ngày 26/7/2023 (34 tháng 12 ngày) là 80.000.000 đồng x 34 tháng 12 ngày x 20%/năm = 45.866.666 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 130.000.000 đồng + 29.416.666 đồng + 45.866.666 đồng = 205.283.322 đồng.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi đã vay là 205.283.322 đồng.

[3] Về những vấn đề chị Lưu Thị Khánh H trình bày tại Biên bản xác minh ngày 23/5/2023: Chị H trình bày nguồn gốc khoản vay giữa nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H và bị đơn anh Võ Trọng T từ việc anh T vay tiền chị H đánh số đề, anh T trả nợ nhưng chị H không hủy giấy nhận nợ; Lãi suất chị H và anh T thỏa thuận là 8.000 đồng/100.000 đồng/ngày tương đương 8%/ngày. Nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H cho rằng những trình bày của chị H với Tòa án là vu khống, chị H không đồng ý. Do chị Lưu Thị Khánh H không cung cấp tài liệu chứng minh trình bày của mình, bị đơn anh Võ Trọng T không đến Tòa án trình bày, cung cấp tài liệu chứng cứ nên HĐXX không xem xét đến các nội dung này.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 205.283.322 đồng. Anh Võ Trọng T phải chịu 205.283.322 đồng x 5% = 10.264.166 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Tạ Thị Hương H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Hương H.

Buộc anh Võ Trọng T phải trả cho chị Tạ Thị Hương H số tiền là 205.283.322 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm hai mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và 75.283.322 đồng (Bảy mươi lăm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Võ Trọng T phải nộp 10.264.166 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Tạ Thị Hương H toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 3.750.000 (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001866 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Chị Tạ Thị Hương H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2023), anh Võ Trọng Tính vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử

-

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Nh - Phùng Thị Tố Tr

Ksor P

